

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/3/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Ông Nguyễn Duy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/3/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh D kết hôn ngày 11/4/2000 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Sau khi cưới, chị và anh D về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có và đã có hai con chung chung là:

- Nguyễn Trung K, sinh năm 2001;

- Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ năm 2009, là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong công việc cũng như trong cuộc sống, dẫn đến hai bên thường xảy ra cãi nhau. Sự việc diễn ra thường xuyên, hai bên gia đình đều biết và đã khuyên giải nhiều lần, nhưng cả chị và anh D vẫn không thống nhất được quan điểm sống. Đến tháng 1-2020 mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra và vợ chồng chấm dứt quan hệ về tình cảm, kinh tế và cũng không có trách nhiệm với nhau, hai người không còn quan hệ vợ chồng nữa; vợ chồng đã chính thức ly thân. Nay xác định tình cảm không còn, nên chị đề nghị được Tòa án cho ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh D có 2 con chung như đã trình bày ở trên. Con Nguyễn Trung K, sinh năm 2001 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004 chị xin nuôi và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn anh D trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai: Anh xác nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và con chung như chị T trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống với chị T hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2015 vợ chồng mở xưởng may ở nhà thì giữa anh và chị T có những bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, năm 2018 thì mở Công ty may thì vợ chồng bất đồng quan điểm lớn hơn, hai bên không thống nhất được quan điểm trong làm ăn. Tháng 2/2020 thì anh đi làm ăn kinh tế tại Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, hai vợ chồng không liên lạc với nhau nữa, tháng 6/2019 thì hai vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay. Chị T xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Con Nguyễn Trung K, sinh năm 2001 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004, nếu phải ly hôn, con H đồng ý ở với mẹ anh cũng đồng ý và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản: Nếu phải ly hôn anh và chị T sẽ tự thỏa thuận về tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay chị T không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn chị T trình bày: Chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn ly hôn, đến nay chị đã hết tình cảm với anh D, đề nghị Tòa án cho được ly hôn; về con chung: Chị và anh D có hai con chung, con Nguyễn Trung K đã trưởng thành, đang làm ăn tại miền nam, chị không yêu cầu giải quyết, con Nguyễn Việt H

hiện đang học lớp 11, chị xin nuôi; về cấp dưỡng nuôi con chị để anh D tự nguyện, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản: Chị và anh D đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh D trình bày: Chị T đã cương quyết xin ly hôn, đến nay anh chấp nhận yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn; về con chung: Anh đồng ý với ý kiến chị T; về tài sản: Để anh và chị T thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS);

Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh D.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản: Không đặt ra xem xét;

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Anh D nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Anh D là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án là đúng qui định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh D kết hôn ngày 11/4/2000 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, chị T và anh D về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có và đã có hai con chung chung là:

- Nguyễn Trung K, sinh năm 2001;
- Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong quá trình làm ăn, chị T và anh D không có tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cả hai không thống nhất được quan điểm làm kinh tế. Theo anh D trình bày thì đến tháng 6/2019 anh vào Vũng Tàu làm ăn, hai vợ chồng chính thức ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Chị T cho rằng mặc dù hai người sống chung một nhà, nhưng không còn quan tâm đến nhau, không quan hệ vợ chồng. Như vậy chị T và anh D đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm với anh D và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Còn anh D tại phiên tòa cũng đồng ý ly hôn chị T. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh D.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh D có một hai chung là:

- Nguyễn Trung K, sinh năm 2001;
- Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004.

Con Nguyễn Trung K đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành, có thể tự lo được cuộc sống, các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó không đặt ra xem xét. Con Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004, chị T xin nuôi, anh D đồng ý để chị T nuôi. Do đó cần giao con Nguyễn Việt H cho chị T nuôi.

Sau khi ly hôn anh D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 58, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi

người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều: 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/8/2004.

Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0005079 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Đ, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Dương Thế Vinh